

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG TY CỔ
PHẦN XUẤT
NHẬP KHẨU
LƯƠNG THỰC -
THỰC PHẨM HÀ
NỘI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG
THỰC - THỰC PHẨM HÀ NỘI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn
Kiếm, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT
NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC - THỰC
PHẨM HÀ NỘI,
OID.2.5.2.342.19200300.100.1.1=
MST0101118079
Reason: I have reviewed this document
Location:
Date: 2024.03.05 11:04:10+0700
Font PDF Reader Version: 12.1.2

Số: 109 /CV-FHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **Công ty Cổ phần XNK Lương thực- Thực phẩm Hà Nội**
2. Mã chứng khoán: FHN.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 Ngõ Gạch, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.37150371; Fax: 024.37150328
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Hữu Hạnh- Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty.
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ.
7. Nội dung của thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội công bố:
- Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực- Thực phẩm Hà Nội.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/3/2024 tại đường dẫn <http://www.vihafood.com>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Tk. HĐQT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Hữu Hạnh

Tài liệu kèm theo:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Công ty CP XNK LT-TP Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Chức vụ

Ông Phan Vũ Anh	Chủ tịch HĐQT
Bà Bùi Thị Tú Giang	Ủy viên
Bà Vũ Hà Hải	Ủy viên
Ông Trần Hữu Hạnh	Ủy viên
Ông Cao Bá Trung	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hữu Hạnh	Giám đốc
Bà Bùi Thị Tú Giang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sừ	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Hạnh - Giám đốc.

Ông Trần Hữu Hạnh đã ủy quyền Ông Nguyễn Văn Sừ - Phó Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 78/UQ-GĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Sửu

Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Số: 028 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2024, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.781.055.778	85.763.820.882
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	34.626.969.237	9.635.659.075
1. Tiền	111		33.026.969.237	7.685.659.075
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	1.950.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.103.137.222	34.982.747.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.816.306.182	27.195.745.744
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		771.712.800	382.791.879
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	13.184.488.031	11.432.669.252
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.669.369.791)	(4.028.459.791)
III. Hàng tồn kho	140	8	40.938.907.305	36.325.364.903
1. Hàng tồn kho	141		40.938.907.305	36.325.364.903
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.112.042.014	4.820.049.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	74.551.502	259.049.809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.034.730.249	4.277.835.487
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.760.263	283.164.524
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.807.453.507	111.077.577.075
I. Tài sản cố định	220		36.331.882.882	41.219.365.248
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.999.551.565	24.619.125.603
- Nguyên giá	222		48.375.910.391	48.341.343.646
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.376.358.826)	(23.722.218.043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	16.332.331.317	16.600.239.645
- Nguyên giá	228		18.188.747.921	18.188.747.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.856.416.604)	(1.588.508.276)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	56.500.276.104	58.871.852.235
- Nguyên giá	231		71.306.332.232	71.306.332.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.806.056.128)	(12.434.479.997)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		30.000.000	50.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30.000.000	50.000.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	10.223.889.724	10.162.330.958
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.663.000.000	17.663.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.439.110.276)	(7.500.669.042)
V. Tài sản dài hạn khác	260		721.404.797	774.028.634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	721.404.797	774.028.634
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		209.588.509.285	196.841.397.957

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		106.311.710.663	93.421.783.967
I. Nợ ngắn hạn	310		96.100.949.058	77.733.715.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	40.408.500.773	47.298.804.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	19.075.847.445	658.820.745
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.492.699.585	302.307.882
4. Phải trả người lao động	314		6.014.485.584	4.599.000.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		322.007.818	862.684.936
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	24.498.312.169	19.339.982.537
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	-	2.440.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.490.000.000	716.500.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.799.095.684	1.515.614.892
II. Nợ dài hạn	330		10.210.761.605	15.688.068.605
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	2.350.761.605	2.348.068.605
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	7.860.000.000	13.340.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.276.798.622	103.419.613.990
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	103.276.798.622	103.419.613.990
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.418.189.323	17.084.589.638
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.858.609.299	56.335.024.352
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.824.907.075	54.726.189.703
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.033.702.224	1.608.834.649
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		209.588.509.285	196.841.397.957



Nguyễn Văn Sửu
Phó Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

[Signature]

Dương Tuấn Linh
Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Ngọc Tú
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		999.904.375.653	751.901.457.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	971.429.780
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	999.904.375.653	750.930.027.665
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	948.422.610.612	703.748.516.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		51.481.765.041	47.181.510.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.032.062.597	1.063.563.180
7. Chi phí tài chính	22	25	2.214.842.049	3.134.885.637
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.141.530.003	2.383.521.599
8. Chi phí bán hàng	25	26	27.067.878.603	28.550.444.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	19.689.085.201	16.505.464.124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.542.021.785	54.279.245
11. Thu nhập khác	31		225.983.023	1.629.175.192
12. Chi phí khác	32		426.062.299	74.619.788
13. Lợi nhuận/(Lỗ) hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(200.079.276)	1.554.555.404
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.341.942.509	1.608.834.649
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.308.240.285	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.033.702.224	1.608.834.649
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	678	411



Nguyễn Văn Sửu
Phó Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Signature

Dương Tuấn Linh
Kế toán trưởng

Signature

Nguyễn Ngọc Tú
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.341.942.509	1.608.834.649
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.468.657.289	5.395.322.171
- Các khoản dự phòng	03	1.352.851.234	(3.964.846.472)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30.991.533	(89.880.140)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(480.105.564)	(783.972.676)
- Chi phí lãi vay	06	2.141.530.003	2.383.521.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.855.867.004	4.548.979.131
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.321.481.463	(5.644.131.781)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.613.542.402)	45.704.658.333
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.136.336.069	(12.162.045.058)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	237.122.144	504.278.006
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.147.938.003)	(2.396.203.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(188.274.875)	(201.195.510)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(93.036.800)	(75.123.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.508.014.600	30.279.215.704
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(654.277.778)	(959.553.211)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	111.363.636	106.481.481
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	633.654.248	497.020.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	90.740.106	(356.051.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	173.190.000.000	136.902.744.722
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(181.110.000.000)	(165.840.643.785)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.687.407.750)	(71.494.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.607.407.750)	(29.009.393.688)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	24.991.346.956	913.770.635
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.635.659.075	8.720.709.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(36.794)	1.178.577
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	34.626.969.237	9.635.659.075



Nguyễn Văn Sửu
Phó Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Dương Tuấn Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tú
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4435/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0103007225 ngày 30 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 4 năm 2019 với mã số doanh nghiệp 0101118079. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính: Bán buôn, bán lẻ gạo và kinh doanh lương thực tổng hợp.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh lương thực, nông, lâm sản, các sản phẩm chế biến từ lương thực;
- Bán buôn, bán lẻ và đại lý đồ dùng cá nhân, gia đình: Xà phòng, bột giặt, kem đánh răng, hoá mỹ phẩm;
- Xay sát, chế biến lương thực và nông, lâm sản; Xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm và hàng tiêu dùng; Nuôi trồng cây, con thủy hải sản; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Thuê và cho thuê: Văn phòng, nhà kho và các hoạt động kho bãi; Đầu tư và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn giá đất).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố chi tiết tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Kinh doanh gạo chất lượng cao - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Số 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Kinh doanh Lương thực Thực phẩm - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	130E Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thương mại Đống Đa - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội	Số 24 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại Đồng Tháp	Số 27A, Ấp Hưng Lợi Đông, Xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 107/QĐHĐQT ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, Công ty đã thực hiện đóng cửa và hoàn thành việc đóng mã số thuế Chi nhánh Kinh doanh Tổng hợp - Công ty CP Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội trong năm, địa chỉ: 13 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND). Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, Chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc tổn thất của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kê khai theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được khấu phân bổ phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (khi chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty được phân phối theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp Theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- (a) Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- (b) Chi phí đi vay vốn;
- (c) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan của Công ty là:

Bên liên quan

Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty
Lương thực Miền Bắc
Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông
Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng
Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà
Công ty TNHH Sản xuất Bột mỳ VimafLOUR

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Đơn vị trực thuộc công ty
mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Công ty liên doanh, liên
kết của Công ty mẹ
Ban lãnh đạo Công ty
Ban lãnh đạo Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.796.989.000	1.181.094.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.229.980.237	6.504.565.075
Các khoản tương đương tiền (i)	1.600.000.000	1.950.000.000
Cộng	34.626.969.237	9.635.659.075

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.751.981.975	27.161.664.319
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	1.981.927.900	1.981.927.900
Công ty TNHH Tổng hợp Dona Việt Nam	1.703.251.357	1.744.028.730
Bà Trần Thị Xuân Yên	1.522.122.241	1.522.122.241
Công ty TNHH Thương mại Tương lai Việt	-	14.166.704.750
Các đối tượng khác	12.544.680.477	7.746.880.698
b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan	64.324.207	34.081.425
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	64.324.207	34.081.425
Cộng	17.816.306.182	27.195.745.744

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	13.184.488.031	-	9.774.160.166	20.000.000
Ký cược, ký quỹ	8.588.758.982	-	8.588.758.982	-
Tạm ứng	3.000.000	-	98.970.405	-
Lãi dự thu	686.630.099	-	486.863.433	-
Phải thu các quầy kinh doanh (i)	1.255.666.182	-	560.356.143	-
Jaipur Star General Trading Co LLC -	2.487.671.488	-	-	-
Phải thu từ ủy thác xuất khẩu				
Phải thu khác	162.761.280	-	39.211.203	20.000.000
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	-	-	1.658.509.086	-
Ký cược, ký quỹ tại Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	-	1.658.509.086	-
Cộng	13.184.488.031	-	11.432.669.252	20.000.000

Ghi chú:

- (i) Phải thu các quầy kinh doanh phản ánh khoản phải thu về lợi nhuận và thuế giá trị gia tăng tại các quầy kinh doanh lương thực thực phẩm và dịch vụ trực thuộc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sơn Châu Á	1.981.927.900	-	1.981.927.900	-
Bà Trần Thị Xuân Yến	1.522.122.241	-	1.522.122.241	-
Công ty TNHH An Lạc Tiên Sơn	-	-	306.090.000	-
Công ty Kinh doanh và Chế biến	65.319.650	-	65.319.650	-
Lương thực Việt Tiến				
Công ty Cổ phần thương mại và	100.000.000	-	100.000.000	-
Đầu tư V&L				
Bà Trần Thị Hòa	-	-	33.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu	-	-	20.000.000	-
tư và Kinh doanh Bất động sản Hà				
Nội				
Cộng	3.669.369.791	-	4.028.459.791	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.725.522.176	-	3.475.717.325	-
Công cụ, dụng cụ	253.345.198	-	229.270.839	-
Thành phẩm	10.933.822.363	-	1.307.878.814	-
Hàng hóa	12.026.217.568	-	31.312.497.925	-
Cộng	40.938.907.305	-	36.325.364.903	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	74.551.502	259.049.809
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	74.551.502	257.669.809
Các khoản khác	-	1.380.000
b) Dài hạn	721.404.797	774.028.634
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	116.759.864
Công cụ dụng cụ xuất dùng	380.233.596	276.781.491
Chi phí thuê đất (i)	337.162.388	344.300.537
Các khoản khác	4.008.813	36.186.742
Cộng	795.956.299	1.033.078.443

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại Đồng Tháp, thời hạn thuê đến ngày 25 tháng 3 năm 2071.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	27.148.725.548	17.589.255.826	3.485.362.272	118.000.000	48.341.343.646
Mua trong năm	-	200.277.778	370.000.000	104.000.000	674.277.778
Thanh lý, nhượng bán	-	(639.711.033)	-	-	(639.711.033)
Số cuối năm	27.148.725.548	17.149.822.571	3.855.362.272	222.000.000	48.375.910.391
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	17.380.042.194	4.203.542.148	2.020.633.701	118.000.000	23.722.218.043
Khấu hao trong năm	1.009.274.920	3.168.066.356	646.879.174	4.952.380	4.829.172.830
Thanh lý, nhượng bán	-	(175.032.047)	-	-	(175.032.047)
Số cuối năm	18.389.317.114	7.196.576.457	2.667.512.875	122.952.380	28.376.358.826
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	9.768.683.354	13.385.713.678	1.464.728.571	-	24.619.125.603
Số cuối năm	8.759.408.434	9.953.246.114	1.187.849.397	99.047.620	19.999.551.565

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.032.071.754 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10.032.071.734 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại Chi nhánh Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.547.386.964 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 18.553.692.635 VND). Trong đó công trình xây dựng trên thửa đất số 92 và thửa đất số 127 được đem đi thế chấp khoản vay (Nhu trình bày tại Thuyết minh số 18).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	18.073.747.921	115.000.000	18.188.747.921
Số cuối năm	18.073.747.921	115.000.000	18.188.747.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.473.508.276	115.000.000	1.588.508.276
Khấu hao trong năm	267.908.328	-	267.908.328
Số cuối năm	1.741.416.604	115.000.000	1.856.416.604
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	16.600.239.645	-	16.600.239.645
Số cuối năm	16.332.331.317	-	16.332.331.317

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại Chi nhánh Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 14.318.647.317 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.586.555.645 VND). Trong đó: Thửa đất số 92 và Thửa đất số 127 được đem đi thế chấp khoản vay (Nhu trình bày tại Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	71.306.332.232	71.306.332.232
Số cuối năm	71.306.332.232	71.306.332.232
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	12.434.479.997	12.434.479.997
Khấu hao trong năm	2.371.576.131	2.371.576.131
Số cuối năm	14.806.056.128	14.806.056.128
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	58.871.852.235	58.871.852.235
Số cuối năm	56.500.276.104	56.500.276.104

Bất động sản đầu tư của Công ty phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (i)	17.663.000.000	(7.439.110.276)	(*)	17.663.000.000	(7.500.669.042)	(*)
Tổng cộng	<u>17.663.000.000</u>	<u>(7.439.110.276)</u>	<u>-</u>	<u>17.663.000.000</u>	<u>(7.500.669.042)</u>	<u>-</u>

Ghi chú:

- (i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Tổng giá trị vốn góp là 17.663.000.000 VND, tương đương 1.766.300 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Trong đó, giá trị vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình là 3.494.000.000 VND và góp bằng lợi thế khai thác quyền sử dụng đất là 14.169.000.000 VND.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	khả năng trả nợ		khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	26.258.500.773	26.258.500.773	46.385.864.882	46.385.864.882
Công ty Cổ phần Tiến Hưng	10.630.318.670	10.630.318.670	10.577.523.417	10.577.523.417
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm	5.201.255.000	5.201.255.000	2.054.538.000	2.054.538.000
Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam	3.652.345.606	3.652.345.606	4.165.057.130	4.165.057.130
Công ty TNHH Interflour Đà Nẵng	1.508.546.235	1.508.546.235	1.687.369.305	1.687.369.305
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Thực phẩm Hoàng Lâm	1.250.891.789	1.250.891.789	1.481.675.001	1.481.675.001
Công ty TNHH LTTP Gạo sạch Trạm Trôi	750.413.000	750.413.000	1.182.535.000	1.182.535.000
Công ty TNHH XNK Thái An Dương	636.876.000	636.876.000	2.979.409.000	2.979.409.000
Nuova Campari Spa	-	-	15.012.216.773	15.012.216.773
Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam	-	-	1.826.010.000	1.826.010.000
Các đối tượng khác	2.627.854.473	2.627.854.473	5.419.531.256	5.419.531.256
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	14.150.000.000	14.150.000.000	912.939.488	912.939.488
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	14.150.000.000	14.150.000.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	-	912.939.488	912.939.488
Cộng	40.408.500.773	40.408.500.773	47.298.804.370	47.298.804.370

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.035.846.727	658.820.745
Công ty TNHH Liên Sỹ FOOD	958.293.643	-
Công ty TNHH Thương Mại Tương Lai Việt	-	640.000.000
Đối tượng khác	77.553.084	18.820.745
b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	18.040.000.718	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	18.040.000.718	-
Cộng	19.075.847.445	658.820.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	244.601.605	2.056.730.894	1.727.219.679	574.112.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.026.836.024	188.274.875	838.561.149
Thuế thu nhập cá nhân	52.085.563	260.145.429	237.826.090	74.404.902
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.620.714	10.470.497.542	10.470.497.542	5.620.714
Cộng	302.307.882	13.814.209.889	12.623.818.186	1.492.699.585
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	283.164.524	281.404.261	-	1.760.263
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	92.799.779	93.799.779	1.000.000
Cộng	283.164.524	374.204.040	93.799.779	2.760.263

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn	21.979.686.660	19.339.982.537
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	773.300.162	471.300.000
Tạm trích tiền thuê đất, thuê nhà phải trả Chi cục thuế	1.452.066.271	1.435.748.169
Tiền thuê nhà phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	9.362.825.289	10.466.935.966
Phải trả về cổ tức	287.290.250	174.698.000
Phải trả các quỹ kinh doanh (i)	10.055.891.259	6.620.926.204
Phải trả khác	48.313.429	170.374.198
b) Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan	2.518.625.509	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	2.518.625.509	-
c) Phải trả khác dài hạn	2.350.761.605	2.348.068.605
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.115.392.500	2.112.699.500
Phải trả khác	235.369.105	235.369.105

Ghi chú:

- (i) Phải trả các quỹ kinh doanh phản ánh khoản phải trả về giá trị hàng hóa, dịch vụ các quỹ trực thuộc Công ty mua phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	174.190.000.000	173.190.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	-	108.550.000.000	108.550.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Hà Nội	-	-	17.440.000.000	17.440.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	-	-	47.200.000.000	47.200.000.000	-	-
Các khoản vay cá nhân	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.440.000.000	-	1.440.000.000	1.440.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ (i)	-	-	1.440.000.000	-	1.440.000.000	1.440.000.000
Vay dài hạn	7.860.000.000	7.860.000.000	5.480.000.000	-	13.340.000.000	13.340.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ (i)	3.060.000.000	3.060.000.000	5.280.000.000	-	8.340.000.000	8.340.000.000
Các khoản vay cá nhân (ii)	4.800.000.000	4.800.000.000	200.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản vay để thanh toán các chi phí nhận chuyển nhượng nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất đối với Dự án nhận chuyển nhượng tài sản gắn với đất là nhà máy chế biến lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long. Lãi suất được áp dụng là lãi suất thả nổi, biên độ 3,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay đảm bảo tối thiểu đáp ứng chính sách cấp tín dụng của BIDV.
- (ii) Các khoản vay cá nhân, lãi suất cho vay = lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (trả lãi hàng tháng) +2,5%/năm, điều chỉnh 01 năm/lần. Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	-	1.440.000.000
Trong năm thứ hai	4.800.000.000	5.840.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.920.000.000	5.160.000.000
Sau năm năm	1.140.000.000	2.340.000.000
	7.860.000.000	14.780.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	1.440.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	7.860.000.000	13.340.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước (Trình bày lại)	30.000.000.000	17.084.589.638	54.726.189.703	101.810.779.341
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.608.834.649	1.608.834.649
Số đầu năm nay (Trình bày lại)	30.000.000.000	17.084.589.638	56.335.024.352	103.419.613.990
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.033.702.224	2.033.702.224
Phân phối lợi nhuận (i)	-	333.599.685	(2.510.117.277)	(2.176.517.592)
Số cuối năm	30.000.000.000	17.418.189.323	55.858.609.299	103.276.798.622

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 và năm 2022 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 234/NQ-LTHN ngày 12 tháng 4 năm 2023. Chi tiết:

- Chia cổ tức năm 2021 và năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ, giá trị 1.800.000.000 VND.
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển, giá trị là 333.599.685 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm 2021 và năm 2022 còn lại được phân phối là 251.011.728 VND.
- Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2021 và năm 2022 còn lại được phân phối là 125.505.864 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	15.300.000.000	15.300.000.000
Các cổ đông khác	14.700.000.000	14.700.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.800.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
-USD	439,34	1.416,78

Xóa nợ

Nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ theo Quyết định số 745/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc xử lý tài chính khoản nợ không có khả năng thu hồi trên sổ sách đối với Công ty TNHH An Lạc Tiên Sơn với số tiền 306.090.000 VND.

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	999.904.375.653	751.901.457.445
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	945.856.692.874	709.915.905.115
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.047.682.779	41.985.552.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	971.429.780
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	-	971.429.780
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	999.904.375.653	750.930.027.665

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm đã bán	926.003.172.020	689.716.557.925
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	22.419.438.592	18.667.205.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.635.246.680)
Cộng	948.422.610.612	703.748.516.953

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	500.082.364.676	226.975.975.109
Chi phí nhân công	23.271.061.629	22.219.214.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.468.657.289	5.416.561.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.441.271.155	10.002.045.055
Chi phí dự phòng	1.720.500.000	716.500.000
Chi phí khác	17.999.654.323	15.548.547.445
Cộng	559.983.509.072	280.878.843.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	833.420.914	588.445.542
Lãi chênh lệch tỷ giá	72.797.945	159.586.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.191.500	92.790.721
Doanh thu hoạt động tài chính khác	119.652.238	222.740.237
Cộng	1.032.062.597	1.063.563.180

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.141.530.003	2.383.521.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá	134.870.812	797.463.830
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(61.558.766)	(46.099.792)
Cộng	2.214.842.049	3.134.885.637

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Tiền thuê đất, thuê nhà	6.892.718.421	5.244.797.945
Chi phí nhân viên	8.295.709.984	8.288.398.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.127.610	26.925.492
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.044.303.369	786.565.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.530.489	833.364.425
Chi phí dự phòng sửa chữa tài sản cố định	1.773.500.000	716.500.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(53.000.000)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	884.195.328	608.912.373
Cộng	19.689.085.201	16.505.464.124
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	12.745.042.199	11.568.447.740
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	82.213.579	181.127.325
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.531.198	206.296.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.921.583.020	3.120.611.889
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.162.508.607	13.473.961.538
Cộng	27.067.878.603	28.550.444.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	3.341.942.509	1.608.834.649
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.842.131.360	(220.276.069)
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>6.153.292</i>	<i>1.447.013.733</i>
+ <i>Thu nhập đã nộp thuế các năm trước</i>	-	1.445.718.520
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản mục tiền và nợ phải thu cuối năm</i>	6.153.292	1.295.213
<i>Cộng: Trích trước chi phí sửa chữa vào dự toán hàng năm</i>	<i>1.773.500.000</i>	<i>716.500.000</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>2.074.784.652</i>	<i>510.237.664</i>
+ <i>Chi phí phạt thuế, phạt chậm nộp, nộp bổ sung thuế năm trước</i>	10.799.779	-
+ <i>Tiền thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	58.000.000	58.000.000
+ <i>Chi phí khác</i>	2.005.984.873	452.237.664
Chuyển lỗ từ năm trước sang	(642.872.442)	(1.388.558.580)
Thu nhập chịu thuế	6.541.201.427	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.308.240.285	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.308.240.285	-

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể (ngoài giá trị điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế như trên). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có tình hình chuyển lỗ theo bảng sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Tình trạng quyết toán thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
			VND	VND	VND
Năm 2021	2022-2026	Đã quyết toán	2.121.431.022	2.121.431.022	-
Cộng			2.121.431.022	2.121.431.022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.033.702.224	1.608.834.649
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	376.517.592
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	678	411
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023.

29. SƠ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các sơ dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 5, 6, 14, 15 và 17 của Báo cáo tài chính này, trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	81.446.650.000	110.075.714.410
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	81.446.650.000	27.000.000.000
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	27.367.266.500
Tổng kho An Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	46.861.324.500
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	-	662.579.850
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	8.184.543.560
Số tiền đã thanh toán trong năm	67.296.650.000	110.075.714.410
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	67.296.650.000	27.000.000.000
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	27.367.266.500
Tổng kho An Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	46.861.324.500
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	-	662.579.850
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	8.184.543.560

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***29. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Bán hàng hóa	577.825.361.169	308.240.431.953
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - Văn phòng Công ty	505.268.750.350	287.832.914.453
Tổng kho An Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	38.990.350.000	15.360.165.000
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	13.780.654.762	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên tại Đồng Bằng Sông Cửu Long	10.970.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	6.655.985.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	1.026.900.000	494.747.500
Chi nhánh Tây Bắc - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	4.551.365.000
Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái	643.678.200	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái tại Lai Vung Đồng Tháp	488.300.000	-
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	742.857	1.240.000
Số tiền đã thu về bán hàng hóa trong năm	595.835.118.387	308.206.350.528
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - Văn phòng Công ty	523.278.507.568	287.798.833.028
Tổng kho An Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	38.990.350.000	15.360.165.000
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	13.780.654.762	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Lương Yên tại Đồng Bằng Sông Cửu Long	10.970.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	6.655.985.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	1.026.900.000	494.747.500
Chi nhánh Tây Bắc - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	4.551.365.000
Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái	643.678.200	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái tại Lai Vung Đồng Tháp	488.300.000	-
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu lương thực Đồng Tháp - Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	742.857	1.240.000
Lãi từ khoản đặt cọc	-	89.437.103
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	89.437.103
Thu nhập khác	-	10.183.760
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	-	10.183.760
Thu hộ - Ủy thác xuất khẩu	2.497.989.495	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	2.497.989.495	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
	3.303.757.733	2.196.659.163
<i>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</i>	2.183.453.400	1.453.097.769
Ông Phan Vũ Anh	58.000.000	38.400.000
Ông Trần Hữu Hạnh	567.926.300	389.139.600
Bà Bùi Thị Tú Giang	483.437.600	328.920.800
Ông Nguyễn Văn Sừ	450.833.800	270.031.600
Bà Vũ Hà Hải	382.940.900	276.196.600
Ông Cao Bá Trung	240.314.800	150.409.169
<i>Thu nhập của Ban kiểm soát</i>	723.074.333	492.280.994
Bà Bùi Thị Thu Thủy	225.961.281	100.925.284
Bà Trần Thị Bảo	196.518.752	138.492.010
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	300.594.300	252.863.700
<i>Thu nhập của Kế toán trưởng</i>	397.230.000	251.280.400
Ông Dương Tuấn Linh	397.230.000	251.280.400

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu tại ngày 01/01/2023 được điều chỉnh hồi tố theo Quyết định số 510/TCTLTMB-HĐTV ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc về việc xử lý cổ phiếu bị đưa vào diện cảnh báo của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi nhận toàn bộ phần giá trị còn lại lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNFI và giá trị của còn lại của bất động sản nhận được theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh của các năm về trước vào lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại (i)	Số sau trình bày lại
			VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán					
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	53.732.116.354	(53.732.116.354)	-
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.602.907.998	53.732.116.354	56.335.024.352
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>994.073.349</i>	<i>53.732.116.354</i>	<i>54.726.189.703</i>
	Tổng cộng nguồn vốn	440	56.335.024.352	-	56.335.024.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Bao gồm:

	Giá trị VND
Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNF1 (a)	6.340.302.667
Giá trị tài sản nhận được từ dự án N04B2 Khu đô thị mới Dịch Vọng (b)	2.025.012.462
Giá trị tài sản nhận được từ dự án 195 Đội Cấn (c)	1.213.382.852
Giá trị tài sản nhận được từ dự án tòa nhà D2 Giảng Võ (d)	1.279.333.333
Giá trị tài sản nhận được từ dự án 622 Minh Khai (e)	42.874.085.040
Cộng	53.732.116.354

- (a) Là giá trị còn lại của lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Giá trị còn phải phân bổ vào thu nhập tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 6.340.302.667 VND.
- (b) Là giá trị còn lại của bất động sản nhận được theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng Trung tâm thương mại - Tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh - Số 3 Đặng Trần Côn ngày 15 tháng 5 năm 2002, và các Phụ lục kèm theo ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô; và giá trị còn lại của Bất động sản nhận được do thực hiện đổi 132 m2 sàn thương mại tầng 1 tại Tòa nhà chung cư Hà Đô phố Hoàng Sâm với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô theo phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (c) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 12 tháng 3 năm 2003 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình tổ hợp cao tầng tại số 195 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (d) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 102/HĐ/GB-SĐTL với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo về việc hỗ trợ di dời, tái định cư cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (e) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 08/HĐKT với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và Hạ tầng Telin, nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Telin về việc hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư cao tầng kết hợp với trung tâm thương mại và dịch vụ tại ngõ 622 phố Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 40 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Công văn số 1053/TCTLTMB-HĐTV của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc phổ biến, quán triệt các mục tiêu và nội dung của đề án cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn đến hết năm 2025 thì Công ty Cổ phần Phân phối - Bản lẻ VNF nằm trong danh mục Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (Công ty mẹ của Công ty) thoái toàn bộ 100% vốn góp. Tại Quyết định số 510/TCTLTMB-HĐTV ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc cũng có ý kiến về việc Hội đồng Thành viên đồng ý đề người đại diện biểu quyết thuận tại cuộc họp Hội đồng Quản trị/Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương xây dựng phương án Công ty thoái 100% vốn góp tại Công ty Cổ phần Phân phối - Bản lẻ VNF1.



Nguyễn Văn Sửu
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

Dương Tuấn Linh
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Tú
Người lập biểu

